

I. PHẦN 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học đến hết tuần 6

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

A. Số học

Câu 1. Nêu khái niệm số hữu tỉ, số đối của một số hữu tỉ. Cách so sánh hai số hữu tỉ.

Câu 2. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia, phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. Tính chất của phép cộng, phép nhân số hữu tỉ.

Câu 3. Nêu thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế.

Câu 4. Lấy ví dụ về biểu diễn số hữu tỉ dưới dạng số thập phân hữu hạn và vô hạn tuần hoàn.

B. Hình học

Câu 1. Nêu đặc điểm nhận biết khối hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

Câu 2. Đặc điểm nhận biết khối lăng trụ đứng tam giác, tứ giác và các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích của chúng.

Câu 3. Nêu các khái niệm hai góc bù nhau, kề bù, đối đỉnh.

II. PHẦN 2: MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA

A. TRẮC NGHIỆM (Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án đúng)

Câu 1. Kết quả của $\left(\frac{-2}{3}\right)^2 + \frac{1}{6} - (-0,5)^3$ là:

A. $\frac{53}{72}$

B. $\frac{35}{72}$

C. $\frac{-11}{72}$

D. $\frac{-29}{72}$

Câu 2. $\left(\frac{7}{5}\right)^4$ là kết quả của:

A. $\left(\frac{7}{5}\right)^6 - \left(\frac{7}{5}\right)^2$

B. $\left(\frac{7}{5}\right)^{12} : \left(\frac{7}{5}\right)^3$

C. $\left(\frac{7}{5}\right)^4 \cdot \frac{7}{5}$

D. $\frac{7^4}{5^4}$

Câu 3. Phân số nào sau đây viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn

A. $\frac{-6}{30}$

B. $\frac{9}{4}$

C. $-\frac{12}{28}$

D. $\frac{-7}{12}$

Câu 4. Số 0,5 và số hữu tỉ nào có cùng điểm biểu diễn trên trục số?

A. $\frac{0}{5}$

B. $\frac{-1}{-2}$

C. $\frac{-1}{2}$

D. $\frac{1}{-2}$

Câu 5. Điền vào ô trống: $2^{300} \square 3^{200}$

A. $\geq$

B. $=$

C. $<$

D. $>$

Câu 6. Trong các đáp án sau, đáp án nào sai:

A. $-7 \notin \mathbb{N}$

B. $\{-7\} \in \mathbb{Z}$

C. $-7 \in \mathbb{Q}$

D. $\left\{-1; 0; \frac{1}{2}\right\} \subset \mathbb{Q}$

Câu 7: Khẳng định nào sau đây sai:

A. $-3 \in \mathbb{Z}$

B. $-3 \in \mathbb{Q}$

C. $\frac{-1}{2} \in \mathbb{Z}$

D. $\frac{-1}{2} \in \mathbb{Q}$

Câu 8: Phân số nào sau đây biểu diễn được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn?

A. $\frac{-4}{-8}$

B. $\frac{-2}{6}$

C. $\frac{1}{4}$

D. $\frac{4}{25}$

Câu 9: Khẳng định nào sau đây đúng:

A. $(x^n)^m = x^{n+m}$

B. $(x^n)^m = x^{n-m}$

C. $(x^n)^m = x^{n:m}$

D. $(x^n)^m = x^{n \cdot m}$

Câu 10: Khẳng định nào sau đây đúng:

A. $-3,23 < -3,32$

B. $-0,625 < \frac{-7}{6}$

C. $-0,21 < \frac{-1}{5}$

D. $-\frac{7}{3} > -1,25$

Câu 11: Giá trị của biểu thức $(-1997 + 32) - (273 - 97 + 115)$ bằng:

A. 2256

B. -2256

C. 2022

D. 2257

Câu 12: Tìm số nguyên a để $\frac{-3}{4} < \frac{a}{10} < \frac{-3}{5}$

A. $a \in \{-6; -7\}$

B. $a = -6$

C. $a = -7$

D. $a \in \{-7; -8\}$

Câu 13: Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng là các hình chữ nhật.

B. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng là các hình thang cân.

C. Các mặt đáy của hình lăng trụ đứng là các hình chữ nhật.

D. Các mặt đáy của hình lăng trụ đứng là các hình tam giác.

Câu 14. Chọn câu sai trong các câu sau: Hình lăng trụ đứng tứ giác có:

A. Các mặt đáy song song với nhau.

B. Các mặt đáy là tam giác.

C. Các mặt đáy là tứ giác.

D. Các mặt bên là hình chữ nhật.

Câu 15. Một bể cá cảnh có dạng hình lập phương, có độ dài cạnh là 80cm. Thể tích của bể cá cảnh đó là:

A. 160 000 cm^3

B. 512 000 cm^3

C. 64 000 cm^3

D. 240 000 cm^3

Câu 16: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng:

A. Hình lăng trụ đứng tứ giác có 6 mặt, 8 đỉnh, 8 cạnh.

B. Hình lăng trụ đứng tứ giác có 4 mặt, 6 đỉnh, 8 cạnh.

C. Hình lăng trụ đứng tứ giác có 6 mặt, 8 đỉnh, 12 cạnh.

D. Hình lăng trụ đứng tứ giác có 4 mặt, 8 đỉnh, 12 cạnh.

Câu 17: Một hộp sữa có dạng hình hộp chữ nhật với các kích thước của đáy dưới là 4cm, 5cm và chiều cao là 12cm. Khi đó, diện tích xung quanh của hộp sữa là bao nhiêu?

A. 216 cm^2

B. 240 cm^2

C. 240 cm^3

D. 216 cm^3

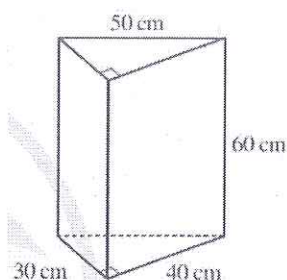
Câu 18: Cho hình lăng trụ đứng tam giác với hai đáy là hai tam giác vuông và các kích thước như trong hình. Khi đó, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác đó là bao nhiêu?

A. 36000 cm^3

B. 3600 cm^3

C. 72000 cm^3

D. 7200 cm^3



B. TỰ LUẬN

I. Số học

DẠNG 1: Thực hiện phép tính

Bài 1. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{5}{12} - \frac{11}{15} - \frac{7}{20}$

b) $\frac{13}{12} + \frac{-17}{36} - \frac{-13}{18}$

c) $\frac{1}{6} - 0,4 \cdot \frac{5}{8} + \frac{1}{2}$

d) $\left(\frac{-2}{3}\right)^2 + \frac{1}{6} - (-0,5)^3$

e) $0,3 - \frac{8}{3} : \frac{4}{3} \cdot \frac{1}{5} + 1$

f) $2 + 4 : \left(\frac{2}{3} - \frac{1}{6}\right) \cdot (-2,25)$

g) $\left(3 - \frac{2}{3} + \frac{4}{3}\right) : \left(2\frac{1}{3} - 2,5\right)^2$

h) $\left(\frac{-1}{2}\right)^2 - \frac{5}{8} : (0,5)^3 - \frac{5}{3} \cdot (-6)$

i) $\left(1 - \frac{2}{3} - \frac{1}{4}\right) \cdot \left(\frac{4}{5} - \frac{3}{4}\right)^2$

k) $0,8 : \left\{0,2 - 8 \cdot \left[\frac{7}{48} + \left(\frac{5}{24} - \frac{5}{16}\right)\right]\right\}$

Bài 2. Tính hợp lí:

a) $\frac{31}{23} - \left(\frac{7}{32} + \frac{8}{23}\right)$

b) $\left(\frac{1}{3} + \frac{12}{67} + \frac{13}{41}\right) - \left(\frac{79}{67} - \frac{28}{41}\right)$

c) $\frac{-2}{5} \cdot \frac{4}{15} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{4}{15}$

d) $3\frac{5}{7} : \frac{2}{3} - 2\frac{2}{7} : \frac{2}{3}$

e) $\frac{1}{6} \cdot \left(-2\frac{3}{5}\right) + 1\frac{2}{3} \cdot \left(\frac{-13}{5}\right)$

f) $\frac{-5}{18} \cdot \left(\frac{3}{2}\right)^2 - \frac{13}{18} \cdot \left(\frac{3}{2}\right)^2$

g) $(-30,75) + \left(\frac{31}{10} - 69,25\right) - (-6,9)$

h) $(-34,5) \cdot \frac{11}{25} - 65,5 \cdot \frac{11}{25}$

DẠNG 2: Tìm x

Bài 3. Tìm số hữu tỉ x, biết:

a) $\frac{3}{7} - x = \frac{1}{3}$

b) $\frac{5}{7} + \frac{2}{7} : x = 1$

c) $x - \frac{1}{2} = 3\frac{1}{2} : \frac{2}{7}$

$$d) \frac{-5}{8} + x = \left(\frac{-2}{3}\right)^2$$

$$e) \left(3\frac{5}{7}x - 1\frac{5}{7}x\right) - \frac{1}{3} = \frac{2}{3}$$

$$f) 3x - \frac{5}{3} = x - \frac{1}{4}$$

Bài 4. Tìm số nguyên x , biết:

$$a) \left(x - \frac{2}{15}\right)^3 = \frac{8}{125}$$

$$b) \left(\frac{4}{5}\right)^{2x+5} = \frac{256}{625}$$

$$c) \frac{x-1}{x+5} = \frac{6}{7}$$

DẠNG 3: Toán thực tế

Bài 5. Bố của An chuẩn bị đi công tác bằng máy bay. Theo kế hoạch, máy bay sẽ cất cánh lúc 4h40 phút chiều. Bố của An cần phải có mặt ở sân bay trước ít nhất 2 giờ để làm thủ tục, biết rằng đi từ nhà An đến sân bay mất khoảng 45 phút. Hỏi bố của An phải đi từ nhà muộn nhất lúc mấy giờ để đến sân bay cho kịp giờ bay?

Bài 6. Trong tháng 7 nhà bạn Nam dùng hết 340 số điện. Hỏi nhà bạn Nam phải trả bao nhiêu tiền điện, biết đơn giá điện như sau:

Giá tiền cho 50 số đầu tiên (từ số 0 đến số 50) là 1678 đồng/số;

Giá tiền cho 50 số tiếp theo (từ số 51 đến số 100) là 1734 đồng/số;

Giá tiền cho 100 số tiếp theo (từ số 101 đến số 200) là 2014 đồng/số.

Giá tiền cho 100 số tiếp theo (từ số 201 đến số 300) là 2536 đồng/số.

Giá tiền cho 100 số tiếp theo (từ số 301 đến số 400) là 2834 đồng/số.

Bài 7. Một chiếc máy tính có giá niêm yết 19 triệu đồng (đã bao gồm thuế VAT). Trong tuần lễ khai trương cửa hàng, chiếc máy tính đó được giảm giá 10% của giá niêm yết và nếu khách hàng mua trực tuyến (giao hàng miễn phí) thì được giảm thêm 5% của giá niêm yết.

a) Tính số tiền mà cô Hà phải trả khi mua trực tuyến chiếc máy tính đó trong tuần lễ khai trương cửa hàng.

b) So với đến cửa hàng mua trực tiếp trong tuần lễ khai trương, cô Hà đã tiết kiệm được thêm bao nhiêu tiền?

DẠNG 4: Nâng cao

Bài 8. Tìm số nguyên x để các biểu thức sau nhận giá trị nguyên:

$$a) A = \frac{x+5}{x-3}$$

$$b) B = \frac{2x-1}{x+2}$$

$$c) C = \frac{x-5}{2x+3}$$

Bài 9. So sánh

a) $A = \frac{2023^{2023} + 1}{2023^{2024} + 1}$ và $B = \frac{2023^{2022} + 1}{2023^{2023} + 1}$.

b) $A = \frac{n}{n+1}$ và $B = \frac{n+2}{n+3}$ (n là STN)

II. Hình học

Bài 10. Một hình hộp chữ nhật có các kích thước là 6cm ; 8cm ; 12cm . Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật?

Bài 11. Điền số thích hợp vào các ô trống ở bảng sau:

	Lăng trụ 1	Lăng trụ 2	Lăng trụ 3
Chiều cao của lăng trụ đứng tam giác	5cm	7cm	
Chiều cao của tam giác đáy			5cm
Cạnh tương ứng với đường cao của tam giác đáy	3cm	5cm	
Diện tích đáy	6cm^2		15cm^2
Thể tích lăng trụ đứng		49cm^3	$0,045\text{l}$

Bài 12. Cho hình lăng trụ đứng có đáy là hình thoi cạnh 6cm và diện tích xung quanh của hình lăng trụ là 192cm^2 . Tính chiều cao của hình lăng trụ.

Bài 13. Một gia đình xây bể chứa nước hình lăng trụ đứng, phần trong lòng bể có đáy là hình vuông cạnh $1,5\text{m}$, chiều cao bể là 1m . Sau đó họ dùng các viên gạch men kích thước $20 \times 30\text{cm}$, dày 1cm để ốp xung quanh thành bể và đáy bể. Hỏi gia đình đó cần ít nhất bao nhiêu viên gạch ốp và sau khi ốp bể chứa được khoảng bao nhiêu lít nước?

Bài 14. Một hình lăng trụ đứng tứ giác có đáy là hình thoi với độ dài cạnh đáy bằng 17cm . Tính chiều cao của hình lăng trụ đó, biết các đường chéo của đáy lần lượt bằng 16cm , 30cm và diện tích toàn phần của hình lăng trụ (tức là tổng diện tích các mặt) bằng 1840cm^2 .

----Chúc các con ôn tập tốt!----



BGH duyệt

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Nguyễn Thị Hương Giang

**UBND PHƯỜNG BÔ ĐỀ
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2025-2026**

**NỘI DUNG ÔN TẬP
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: TIN HỌC 7**

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 06:

- Bài 1: Thiết bị vào - ra
- Bài 2: Phần mềm máy tính
- Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính
- Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Nêu chức năng của thiết bị vào, thiết bị ra?

Câu 2: Nêu khái niệm hệ điều hành và phần mềm ứng dụng?

Câu 3: Mạng xã hội là gì? Mạng xã hội thường được tổ chức trên Internet dưới dạng nào?

Câu 4: Có mấy cách sao lưu dữ liệu? Nêu đặc điểm của từng cách sao lưu?

Câu 5: Nêu các bước tạo thư mục, đổi tên thư mục, di chuyển, sao chép, xóa thư mục và tệp?

Câu 6: Nêu các cách bảo vệ dữ liệu máy tính?

II. Phần 2: Một số dạng câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Trắc nghiệm khách quan: Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Thiết bị nào sau đây là thiết bị **nhập dữ liệu** vào máy tính?

- A. Màn hình B. Máy in C. Bàn phím D. Loa

Câu 2: Thiết bị nào sau đây là **thiết bị xuất dữ liệu**?

- A. Chuột B. Máy in C. Webcam D. Bàn phím

Câu 3: Chức năng chính của thiết bị **chuột** máy tính là:

- A. Nhập văn bản B. Lưu dữ liệu
C. Điều khiển và chọn đối tượng D. Xuất thông tin

Câu 4: Webcam thuộc loại thiết bị nào?

- A. Thiết bị nhập B. Thiết bị xuất C. Thiết bị lưu trữ D. Thiết bị xử lý

Câu 5: Máy chiếu được xếp vào nhóm:

- A. Thiết bị nhập B. Thiết bị xuất C. Thiết bị lưu trữ D. Thiết bị xử lý

Câu 6: Phần mềm máy tính là gì?

- A. Các bộ phận phần cứng của máy tính
B. Tập hợp các chương trình giúp máy tính hoạt động
C. Dữ liệu lưu trong máy
D. Mạng máy tính

Câu 7: Hệ điều hành là gì?

- A. Phần mềm chơi game B. Phần mềm diệt virus
C. Phần mềm điều khiển hoạt động của máy tính D. Phần mềm gõ văn bản

Câu 8: Phần mềm nào dưới đây là hệ điều hành?

- A. Word B. Excel C. Windows D. Chrome

Câu 9: Phần mềm ứng dụng là:

- A. Phần mềm giúp điều khiển máy tính
B. Phần mềm phục vụ công việc cụ thể của người dùng
C. Phần mềm quản lý hệ thống
D. Phần mềm điều hành

Câu 10: Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng khác nhau ở điểm nào?

- A. Hệ điều hành điều khiển máy, phần mềm ứng dụng giúp người dùng thực hiện công việc.
B. Hệ điều hành để chơi game.

- Trần Minh Ngọc**

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1: Trình bày mục đích và cách thức của làm cỏ, vun xới cho cây trồng.

Câu 2: Em hãy nêu ưu và nhược điểm của trồng trọt ngoài tự nhiên và trồng trọt trong nhà có mái che?

Câu 3: Nhà bạn Lan có trồng một số loại cây trồng: Nhãn, xoài, xu hào, cà rốt. ... Em hãy vận dụng kiến thức đã học giúp bạn Lan đề ra biện pháp phù hợp để thu hoạch và bảo quản các loại cây trồng trên.

Câu 4 : Em hãy nêu mục đích của các công việc sau: Cày đất, bừa, đập đất và lên luống.

Câu 5: Em hãy nêu các nguyên tắc phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng?

Câu 6: Em hãy nêu các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng?

Phần 2: Một số câu hỏi trắc nghiệm minh họa

A. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20, mỗi câu hỏi HS chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1. Lúa, ngô, khoai, sắn thuộc nhóm cây?

A. Cây lương thực.

B. Cây công nghiệp.

C. Cây ăn quả.

D. Cây dược liệu.

Câu 2. Biện pháp có thể sử dụng trước khi gieo trồng để phòng trừ sâu bệnh hại là:

A. vệ sinh đồng ruộng, gieo trồng đúng thời vụ.

B. sử dụng một số sinh vật như chim, ếch để diệt sâu bệnh.

C. bón nhiều phân lót.

D. tưới nước cho đất ruộng.

Câu 3. Một trong những mục đích của việc cày đất là:

A. Thuận lợi cho việc chăm sóc.

B. San phẳng mặt ruộng.

C. Làm tăng độ dày lớp đất trồng.

D. Bổ sung chất dinh dưỡng cho cây trồng.

Câu 4. Một trong những nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh là:

A. Phòng là chính.

- B. Ưu tiên sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học.
- C. Phun thuốc với nồng độ cao hơn hướng dẫn sử dụng.
- D. Phun thuốc với nồng độ thấp hơn hướng dẫn sử dụng.

Câu 5. Loại cây trồng nào sau đây thuộc nhóm hoa, cây cảnh?

- A. Cây hoa hồng.
- B. Cây lạc (đậu phộng).
- C. Cây điều.
- D. Mùng tơi.

Câu 6. Công việc làm đất nào sau đây có tác dụng trộn đều phân bón và san phẳng mặt ruộng?

- A. Bón lót
- B. Lên luống
- C. Bừa đất
- D. Cày đất

Câu 7. Mục tiêu nền nông nghiệp Việt Nam hướng tới trong tương lai là:

- A. Duy trì phương thức trồng trọt cổ xưa để có những sản phẩm chất lượng, tốt cho sức khỏe người dùng.
- B. Trồng trọt công nghệ cao.
- C. Triển khai trồng trọt tới mọi góc ngách của các thành phố.
- D. Xóa bỏ nông nghiệp.

Câu 8. Nhóm cây trồng nào sau đây đều là cây rau?

- A. Cà phê, lúa, ngô.
- B. Khoai lang, khoai tây, mía.
- C. Xu hào, cải bắp, cà chua.
- D. Bông, cao su, cà phê.

Câu 9. Cách bón phân nào sau đây **không** được dùng để bón phân lót cho cây trồng?

- A. Rắc đều phân lên mặt ruộng.
- B. Bón phân theo hàng.
- C. Bón phân theo hố trồng cây.
- D. Pha loãng với nước rồi tưới vào gốc cây.

Câu 10. Dựa vào mục đích sử dụng thì cải bắp thuộc nhóm cây

- A. lương thực.
- B. thuốc.
- C. ăn quả.
- D. rau.

Câu 11. Phương pháp hái **không** áp dụng với cây trồng nào sau đây?

- A. Đỗ
- B. Rau
- C. Chôm chôm
- D. Su hào

Câu 12. Mục đích chính của trồng cây công nghiệp là:

- A. Làm thức ăn cho gia súc.
- B. Bảo vệ rừng đầu nguồn.
- C. Làm thức ăn cho con người.
- D. Làm nguyên liệu để xuất khẩu.

Câu 13. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt đúng thời điểm, đúng phương pháp nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt và nâng cao chất lượng sản phẩm thu được.
- B. Giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt và cho năng suất cao.
- C. Đảm bảo sự tồn thất nhỏ nhất và chất lượng sản phẩm thu được tốt nhất.
- D. Nâng cao khả năng chống chịu sâu, bệnh hại của cây trồng

Câu 14. Dựa vào mục đích sử dụng thì cây lúa thuộc nhóm cây:

- A. lương thực.
- B. ăn quả.
- C. gia vị.
- D. cảnh.

Câu 15. Một trong những nhiệm vụ của kĩ sư chọn giống cây trồng là:

- A. Nghiên cứu tạo ra các loại giống vật nuôi mới.
- B. Nghiên cứu tạo ra các loại giống cây trồng mới.
- C. Nghiên cứu tạo ra các loại thuốc trừ sâu mới.
- D. Nghiên cứu tạo ra các loại phân bón mới.

Câu 16. Một trong những ưu điểm của phương thức trồng trọt trong nhà có mái che là:

- A. Tiến hành đơn giản.
- B. Chi phí đầu tư thấp.
- C. Cây trồng không cần chăm sóc.
- D. Có thể trồng được rau trái vụ.

Câu 17. Ứng dụng nào dưới đây **không** áp dụng cho trồng trọt công nghệ cao?

- A. Bẫy sâu bằng đèn.
- B. Hệ thống tưới tiêu tự động.
- C. Phun thuốc bằng thiết bị bay.
- D. Trồng thủy canh.

Câu 18. Trong chăm sóc cây trồng, lên luống có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Chống ngập úng, tạo tầng đất dày.
- B. Giúp cây tránh bị ánh nắng chiếu trực tiếp vào gốc.
- C. tạo không gian thuận lợi cho việc tưới tiêu và bón phân.
- D. Ngăn cản sâu bệnh tấn công từ dưới đất.

Câu 19. Đặc điểm đầu tiên của trồng trọt công nghệ cao là gì?

- A. Thay thế đất trồng bằng giá thể hoặc dung dịch dinh dưỡng.
- B. Ưu tiên sử dụng giống cây trồng cho năng suất cao, chất lượng tốt, thời gian sinh trưởng ngắn.
- C. Lao động có trình độ cao
- D. Ứng dụng thiết bị, công nghệ hiện đại.

Câu 20. Công việc nào dưới đây được thực hiện trước khi bón phân lót?

- A. Trồng cây.
- B. Cày đất.
- C. Gieo hạt.
- D. Tưới nước.

B. Câu trắc nghiệm đúng, sai.

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3, trong mỗi ý A, B, C, D học sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Trong các phương thức trồng trọt chủ yếu của Việt Nam thì

- A. trồng trọt trong nhà có mái che cây trồng dễ bị sâu bệnh.
- B. hoa lan Hồ Điệp thường được trồng trọt ngoài tự nhiên.
- C. trồng trọt ngoài tự nhiên đơn giản, dễ thực hiện, chi phí thấp.
- D. trồng trọt trong nhà có mái che có thể trồng được rau quả trái vụ

Câu 2. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt

- A. nhằm mục đích nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm trồng trọt thu được tốt nhất.
- B. các cách như hái, nhổ, đào, cắt là những phương pháp ít được áp dụng.
- C. thì chôm chôm cần đảm bảo đúng lúc, cần thận, tránh làm dập nát quả chôm chôm.
- D. đối với rau muống khi hái về cần bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh để hạn chế ra bị héo, hỏng.

Câu 3. Khi thu hoạch sản phẩm trồng trọt thì

- A. thu hoạch thời điểm lúa chín sẽ làm giảm chất lượng gạo.
- B. nhổ su hào càng già càng tốt.
- C. với quả na cần thu hoạch trước khi chín để thuận lợi cho việc vận chuyển đi tiêu thụ.
- D. các loại như ngô, quả su su, cam, khoai tây đều có thể sử dụng bằng phương pháp cắt.



BGH kí duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Dương Thị Tươi

I. Nội dung kiến thức cần ôn tập: Các đơn vị kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 6**1. Văn bản:**

Truyện, và thơ bốn chữ, năm chữ

2. Tiếng Việt:

- Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.
- Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- Biện pháp tu từ: Nói giảm, nói tránh.
- Nghĩa của từ

3. Viết:

- Tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.
- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.
- Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về một vấn đề trong đời sống.

II. Một số dạng bài tập minh họa**Dạng 1: Đọc- hiểu**

Bài 1. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Bố tôi

Tôi đi học dưới đồng bằng. Còn bố tôi, từ nơi núi đồi hiểm trở, ông luôn dõi theo tôi.

Bao giờ cũng vậy, ông mặc chiếc áo kẻ ô phẳng phiu nhất, xuống núi vào cuối mỗi tuần. Ông rẽ vào bưu điện để nhận những lá thư tôi gửi. Lặng lẽ, ông vụng về mở nó ra. Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông. Rồi lặng lẽ như lúc mở ra, ông xếp nó lại, nhét vào bao thư. Ông ngồi trầm ngâm một lúc, khẽ mỉm cười rồi đi về núi.

Về đến nhà, ông nói với mẹ tôi: “Con mình vừa gửi thư về”. Ông trao thư cho bà. Bà lại cẩn thận mở nó ra, khen: “Con mình viết chữ đẹp quá! Những chữ tròn, thật tròn, những cái móc thật bén. Chỉ tiếc rằng không biết nó viết gì. Sao ông không nhờ ai đó ở bưu điện đọc giùm?”. Ông nói: “Nó là con tôi, nó viết gì tôi đều biết cả”. Rồi ông lấy lại thư, xếp vào trong tủ cùng với những lá thư trước, những lá thư được bóc ra nhìn ngắm, chạm mặt rồi cất vào, không thiếu một lá, ngay cả những lá đầu tiên nét chữ còn non nớt...

Hôm nay là ngày đầu tiên tôi bước chân vào trường đại học. Một ngày khai trường đầu tiên không có bố. Bố tôi đã mất. Nhưng tôi biết bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả hành trình cuộc đời.

(Theo Nguyễn Ngọc Thuận)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Tìm các cụm từ được dùng để mở rộng thành phần chính trong câu sau và chỉ ra tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ: “*Bao giờ cũng vậy, ông mặc chiếc áo kẻ ô phẳng phiu nhất, xuống núi vào cuối mỗi tuần*”.

Câu 3. Tìm và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ trong văn bản

Câu 4. Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua văn bản trên?

Câu 5. Từ nội dung văn bản ở phần đọc hiểu trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ), nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bố và tình cảm của nhân vật “tôi” đối với bố.

Bài 2: Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

VỀ MÙA XOÀI MẸ THÍCH

Quả xoài xưa Mẹ thích
cứ gọi mãi trong con
cái hương thơm chín nức
cái quả bé tròn tròn

Khi cây xoài trước ngõ
lấp ló trái vàng hoe
đủ nhắc cho con nhớ
mùa hạ đã gần về

Cầm quả xoài của Mẹ
cầm cả mùa trên tay
Cắn miếng xoài ngọt lịm
vị đầu lưỡi thơm hoài

Vô tình hay hữu ý
xoài mang hình quả tim?
Riêng con thì con nghĩ
đấy - lòng Mẹ ngọt mề

Tóc xõa rồi tóc búi
một đời mẹ thắt chiu
xoài non rồi chín tới
quả lủng lẳng cành treo

Nghê hương xoài bay theo
từng bước chân của Mẹ
thơm lựng vào lời kể
những câu chuyện đời xưa.

Ngõ hạt mưa đầu mùa
là hột xoài trong suốt
nhìn vỏ xoài Mẹ gọt
con gọi: cánh hoàng lan...

Ngõ nhìn cả mùa vàng
nằm trong bàn tay Mẹ
Trộn một đời thơ bé
uớt lẩn với hương xoài.

Nhưng rồi có một ngày
trái xoài già rụng cuống...

Tháng hạ không đến sớm
dù cho quả xoài vàng
tháng hạ không đến muộn
đủ nhắc con mùa sang.

Ngào ngạt khắp không
gian
hương xoài xưa Mẹ thích.

(In trong *Mùa hạ trong thi ca*, Tuyển thơ nhiều tác giả, NXB Hội Nhà văn, 2007)

Câu 1. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Phương thức biểu đạt chính của bài thơ?

Câu 2: Bài thơ được gieo vần như thế nào?

Câu 3. Em hãy chỉ ra và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau
Tác dụng *chủ yếu* của phép tu từ ẩn dụ được sử dụng trong câu thơ: “*Nhưng rồi có một ngày/trái xoài già rụng cuống*”

Câu 4. Tại sao nói nhân vật người con đã cảm nhận về trái xoài bằng nhiều giác quan? Từ những cảm nhận thú vị về trái xoài trong “*một đời thơ bé*” của người con, em hãy nêu ý nghĩa của kí ức tuổi thơ đối với mỗi người.

Câu 5. Bài thơ gửi gắm đến người đọc những thông điệp nào?

Câu 6. Từ tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ, hãy bộc lộ tình cảm của em dành cho gia đình của mình (bằng một đoạn văn khoảng 5 câu).

Dạng II. Viết

Câu 1. Tóm tắt văn bản ở bài 1 bằng một đoạn văn khoảng 5 câu.

Câu 2. Viết đoạn văn khoảng 10 câu ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc một bài thơ bốn hoặc năm chữ.

Câu 3. Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về một vấn đề mà em quan tâm.



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng

Trần Phương Thảo

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập:

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06.

- Quá trình hình thành và phát triển của XHPK ở Tây Âu
- Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành QHSX phong kiến ở Tây Âu
- Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, dân cư xã hội của châu Âu
- Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, dân cư xã hội của châu Á

2. Một số câu hỏi trọng tâm.

Câu 1. Trình bày quá trình hình thành XHPK, đặc điểm của lãnh địa PK và quan hệ xã hội của chế độ PK ở Tây Âu?

Câu 2. Trình bày các cuộc phát kiến địa lí lớn TK XVI và sự hình thành CNTB ở Châu Âu?

Câu 3. Phân tích đặc điểm địa hình, khí hậu châu Âu?

Câu 4. Chứng minh khí hậu châu Âu phân hóa đa dạng?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa.

1. Bài tập trắc nghiệm khách quan

*** Phân môn Lịch sử:**

Câu 1. Hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến ở Tây Âu là

- A. quý tộc và nông dân.
- B. lãnh chúa phong kiến và nông nô.
- C. chủ nô và nô lệ.
- D. địa chủ và lãnh chúa phong kiến.

Câu 2. Lãnh địa phong kiến là vùng đất rộng lớn của

- A. nông dân.
- B. nô lệ.
- C. lãnh chúa.
- D. thương nhân.

Câu 3. Đặc trưng kinh tế của lãnh địa phong kiến là

- A. tự cấp tự túc, nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo.
- B. khép kín, thương nghiệp đóng vai trò chủ đạo.
- C. kinh tế hàng hoá, trao đổi mua bán tự do.
- D. tự cung tự cấp, thủ công nghiệp là chủ yếu.

Câu 4. Tôn giáo nào được coi là quốc giáo của đế quốc La Mã từ thế kỉ IV?

- A. Phật giáo.
- B. Thiên chúa giáo.
- C. Hồi giáo
- D. Nho giáo.

Câu 5. Cư dân sống trong các thành thị trung đại ở Tây Âu chủ yếu thuộc tầng lớp

- A. nông nô và nô lệ.
- B. nông nô và lãnh chúa.
- C. thợ thủ công và nông nô.
- D. thợ thủ công và thương nhân.

Câu 6. Nguyên nhân nào dẫn đến sự xuất hiện các thành thị trung đại?

- A. Nhà vua ra lệnh lập các thành thị.
- B. Nông nô lập ra các thành thị.
- C. Sản xuất bị đình đốn.
- D. Sản xuất phát triển.

Câu 7. Lực lượng sản xuất chính trong các lãnh địa phong kiến ở châu Âu thời trung đại là

- A. lãnh chúa.
- B. nông nô.
- C. thương nhân.
- D. thợ thủ công.

Câu 8. Đâu không phải là biểu hiện chứng minh cho nhận xét của C.Mác: “Thành thị giống như những bông hoa rực rỡ nhất của châu Âu thời trung đại”

- A. Góp phần phá vỡ nền kinh tế tự nhiên của lãnh địa.

- B. Tạo cơ sở xây dựng nền văn hoá mới tự do hơn.
- C. Tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển của kinh tế hàng hoá.
- D. Làm cho lãnh chúa có thể lực lớn hơn trước.

Câu 9. Một trong những tác động của thành thị trung đại tới nền giáo dục của Tây Âu ngày nay là

- A. đưa đến sự xuất hiện tầng lớp thị dân.
- B. tạo điều kiện cho sản xuất hàng hoá phát triển.
- C. góp phần xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền.
- D. nhiều trường đại học còn hoạt động đến ngày nay.

Câu 10. Chế độ phong kiến phân quyền ở Tây Âu được biểu hiện như thế nào?

- A. Không tồn tại ngôi vua, người dân bầu đại biểu vào các cơ quan của nhà nước.
- B. Tất cả mọi thần dân trong nước phải tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của vua.
- C. Nhà vua nắm mọi quyền hành, quyền lực của vua là tối cao và tuyệt đối.
- D. Mỗi lãnh chúa như một “ông vua” cai quản lãnh địa của mình.

Câu 11. Cuộc phát kiến của Cô-lôm-bô đã tìm ra một châu lục mới là

- A. châu Đại Dương. B. châu Úc. C. châu Mỹ. D. châu Phi.

Câu 12. Sự hình thành của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu gắn liền với hai giai cấp mới là

- A. địa chủ và nông dân. B. tư sản và vô sản.
- C. lãnh chúa và nông nô. D. chủ nô và nô lệ.

Câu 13. Ai là người dẫn đầu đoàn thám hiểm hoàn thành chuyến đi đường biển vòng quanh thế giới từ năm 1519-1522?

- A. Ma-gien-lăng. B. Cô-lôm-bô. C. Đì-a-xơ. D. Va-xcô đơ Ga-ma.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ảnh hưởng của các cuộc phát kiến địa lí tới Việt Nam thời trung đại?

- A. Thiên chúa giáo từng bước được du nhập vào Việt Nam.
- B. Văn hóa Việt Nam có sự giao lưu văn hoá với phương Tây.
- C. Xã hội Việt Nam xuất hiện các giai cấp: tư sản và vô sản.
- D. Thương nhân nhiều nước phương Tây tới Việt Nam buôn bán.

Câu 15. Dưới tác động của các cuộc phát kiến địa lí (thế kỉ XV – XVI), tôn giáo nào mới được du nhập vào Việt Nam?

- A. Phật giáo. B. Thiên Chúa giáo. C. Đạo Do Thái. D. Đạo Hồi.

*** Phân môn Địa Lí**

Câu 16. Nằm giữa các vĩ tuyến 36° B và 71° B, lãnh thổ châu Âu trải dài qua

- A. 36 vĩ độ. B. 38 vĩ độ. C. 40 vĩ độ D. 42 vĩ độ

Câu 17. Địa hình phía Bắc châu Á có đặc điểm gì?

- A. Vùng núi cao, đồ sộ và hiểm trở nhất thế giới
- B. Núi lửa, cao nguyên và đồng bằng ven biển
- C. Đồng bằng và cao nguyên thấp, bằng phẳng.
- D. Núi trẻ, các sơn nguyên và đồng bằng nằm xen kẽ

Câu 18. Sông nào lớn nhất châu Âu?

- A. Von -ga B. Đa-nuyp C. Rai-nơ D. Sông Seine

Câu 19. Thực vật điển hình của đới nóng ở châu Á là

- A. rừng lá rộng. B. rừng lá kim. C. hoang mạc. D. rừng nhiệt đới gió mùa

Câu 20. Với diện tích là 44,4 triệu km², châu Á là châu lục

A. lớn thứ hai thế giới.

B. lớn thứ ba thế giới.

C. lớn nhất thế giới

D. nhỏ nhất thế giới.

Câu 21. Nằm giữa các vĩ tuyến 36° B và 71° B, lãnh thổ châu Âu chủ yếu thuộc

A. Đới nóng

B. Đới lạnh

C. Đới ôn hòa

D. Đới khí hậu cực và cận cực

Câu 22. Phía Tây châu Âu khí hậu mát mẻ, mưa nhiều nên thực vật chủ yếu là

A. rừng lá kim

B. rừng lá rộng

C. rừng lá cứng.

D. đài nguyên

Câu 23. Khoáng sản ở châu Á phân bố tập trung ở

A. đồng bằng

B. miền núi

C. ven biển

D. rộng khắp trên lãnh thổ

Câu 24. Môi trường không khí ở châu Âu không bị ô nhiễm bởi

A. khí thải từ các phương tiện giao thông

B. khí thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp

C. rác thải sinh hoạt

D. khói bụi từ các vụ cháy rừng

Câu 25. Cho bảng số liệu:

**Bảng 2. CƠ CẤU DÂN SỐ THEO GIỚI TÍNH CỦA CHÂU ÂU
GIAI ĐOẠN 1990 – 2020 (%)**

Giới tính \ Năm	1990	2000	2010	2020
Nam	48,1	48,2	48,2	48,3
Nữ	51,9	51,8	51,8	51,7

Nhận xét nào đúng về cơ cấu dân số theo giới tính của châu Âu giai đoạn 1990-2020?

A. Tỷ lệ nam và nữ cân bằng nhau

B. Vẫn còn tình trạng mất cân bằng về giới tính

C. Tỷ lệ nữ có xu hướng tăng nhẹ qua các năm

D. Tỷ lệ nam có xu hướng giảm nhẹ qua các năm

Câu 26. Giải pháp nào sau đây không phải để bảo vệ sự đa dạng sinh học ở châu Âu?

A. Ban hành chính sách bảo vệ và phát triển rừng bền vững

B. Bảo vệ đặc biệt các khu vực tiếp giáp biển

C. Cấm chặt phá rừng, trồng mới rừng để tránh xói mòn đất

D. Cấm xả rác, đốt rác sinh hoạt bừa bãi.

Câu 27. Cho bảng số liệu sau

GDP của các trung tâm kinh tế lớn trên thế giới năm 2020

Chỉ số	EU	Hoa Kỳ	Nhật Bản	Trung Quốc
GDP (tỉ USD)	15276	20937	4975	14723

Nhận xét nào đúng về GDP của Liên minh châu Âu (EU) năm 2020?

A. GDP cao nhất thế giới

B. GDP đứng thứ 2 thế giới

C. GDP vào loại trung bình của thế giới

D. GDP thấp hơn Hoa Kỳ và Trung Quốc.

Câu 28. Cho bảng số liệu:

**Bảng 1. CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở CHÂU ÂU
NĂM 1990 VÀ NĂM 2020 (%)**

Năm \ Nhóm tuổi	0 – 14 tuổi	15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
1990	20,5	66,9	12,6
2020	16,1	64,8	19,1

Nhận xét nào đúng về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở châu Âu giai đoạn 1990-2020?

- A. Nhóm tuổi từ 15- 64 tuổi có xu hướng giảm.
- B. Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên có xu hướng giảm nhanh
- C. Nhóm tuổi từ 0-14 tuổi có xu hướng tăng nhanh
- D. Cả ba nhóm tuổi đều có xu hướng tăng.

Câu 29. Môi trường nước ở châu Âu bị ô nhiễm là do

- A. phá rừng bừa bãi
- B. không thường xuyên nạo vét lòng sông
- C. xâm nhập mặn từ biển
- D. Do chất thải từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt

Câu 30. Lãnh thổ châu Á trải dài từ

- A. vòng cực Bắc đến vòng cực Nam.
- B. chí tuyến Bắc đến vòng cực Nam.
- C. vùng cực Bắc đến vùng Xích Đạo.
- D. vòng cực Bắc đến chí tuyến Nam.

2. Câu hỏi đúng- sai

* Phân môn Lịch sử.

Câu 1. Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về những việc làm của người Giéc-man khi tràn vào La Mã:

- a) Thành lập nhiều vương quốc mới.
- b) Chiếm ruộng đất của chủ nô La Mã.
- c) Sát nhập Ăng-glô Xắc-xông vào La Mã.
- d) Thành lập các đồn điền.

* Phân môn Địa lí

Câu 2. Cho thông tin sau:

"Châu Âu là châu lục nhỏ thứ hai trên thế giới, gồm các bán đảo nhô về phía tây của lục địa Á - Âu (khối lục địa lớn mà nó chia sẻ với châu Á), chiếm gần một phần mười diện tích đất liền thế giới. Nó có biên giới phía bắc là Đại Tây Dương Bắc Cực, phía tây là Đại Tây Dương, phía nam (từ tây sang đông) là Biển Địa Trung Hải, Biển Đen, vùng trũng Kuma-Manych và Biển Caspi."

(Nguồn: Britannica)

Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, học sinh chọn và ghi đáp án đúng hoặc sai

- a) Châu Âu là châu lục có diện tích nhỏ nhất thế giới.
- b) Châu Âu nằm ở phía Tây của lục địa Á- Âu.
- c) Biển Caspi ở phía tây châu Âu là một trong những tuyến hàng hải nhộn nhịp và quan trọng nhất thế giới.
- d) Vị trí tiếp giáp nhiều biển và đại dương tạo điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông đường biển và giao lưu buôn bán.



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Nguyễn Thị Thảo

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06

- Tự hào về truyền thống quê hương
- Quan tâm, cảm thông, chia sẻ
- Học tập tự giác, tích cực

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là tự hào về truyền thống quê hương? Tìm 2 câu ca dao có nội dung nói về truyền thống quê hương?

Câu 2 : Thế nào là quan tâm, chia sẻ? Nêu một số biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ? Tìm 2 câu ca dao có nội dung nói về sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ?

Câu 3 : Trong xã hội hiện đại ngày nay, chúng ta có cần quan tâm, cảm thông, chia sẻ với người khác hay không? Tại sao?

Câu 4 : Thế nào là học tập tích cực, tự giác ? Vì sao học sinh cần phải học tập tích cực, tự giác ? Bản thân em đã rèn luyện sự tích cực, tự giác trong học tập như thế nào ?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm:

Câu 1. Nội dung nào dưới đây **không** thuộc về truyền thống quê hương?

- A. Làn điệu dân ca. B. Trang phục truyền thống.
C. Những câu truyện cổ dân gian. D. Các bộ phim khoa học viễn tưởng.

Câu 2. Tượng đài “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” (Hà Nội), là biểu tượng cho

- A. tinh thần yêu nước. B. tinh thần nhân đạo.
C. thái độ cần cù lao động. D. lòng yêu thương con người.

Câu 3: Hành vi nào **không** phải là biểu hiện của quan tâm, cảm thông, chia sẻ?

- A. An ủi. B. Khích lệ. C. Hỏi thăm. D. Mỉa mai.

Câu 4: Cảm thông là đặt mình vào vị trí người khác để

- A. hiểu được cảm xúc của người đó. B. chê bai, giễu cợt. xúc phạm người đó.
C. đồng tình với việc làm của người đó. D. chứng tỏ bản thân trước người đó.

Câu 5: Học tập tự giác, tích cực là chủ động, cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ học tập mà không cần ai

- A. động viên. B. nhắc nhở. C. chỉ bảo. D. hướng dẫn.

2. Bài tập:

Bài tập 1

Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

- Ý kiến 1. Chỉ các bạn học giỏi mới cần tự giác, tích cực trong học tập.
- Ý kiến 2. Chỉ cần tự giác, tích cực học tập khi tới các kì kiểm tra.

Bài tập 2: Xử lý tình huống:

Phát huy truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, trường của H tổ chức lễ dâng hương tại khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ. Sau lễ dâng hương, các bạn tập trung nghe kể về những tấm gương hy sinh anh dũng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc. Trong khi các bạn trật tự ngồi nghe thì H lại chạy chơi, đùa nghịch, khiến các bạn xung quanh mất tập trung.

a/ Em có nhận xét gì về hành động của H? Nếu là bạn của H, em sẽ khuyên H điều gì?

b/ Em đã làm gì để thể hiện lòng tự hào với truyền thống quê hương, dân tộc?

Bài tập 3

Khi đi học cùng bạn, em thấy một em bé đang khóc vì bị lạc. Bạn em nói: “Sẽ có người khác giúp em ấy, còn mình phải đến trường cho kịp giờ học.”

a/ Em có suy nghĩ như thế nào về lời khuyên của bạn? Em sẽ làm gì để giúp đỡ em nhỏ trên?

b/ Trong cuộc sống, em đã thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ như thế nào? Lấy ví dụ với các đối tượng sau:

- Ông bà
- Thầy cô giáo
- Bạn bè

Bài tập 4:

Trong giờ học Ngữ văn, mặc dù hiểu bài và biết câu trả lời nhưng C không giơ tay phát biểu.

a/ Em có nhận xét gì về thái độ và việc làm của bạn C?

b/ Nếu là bạn cùng lớp với C, em sẽ khuyên bạn điều gì?

c/ Theo em học sinh cần phải làm gì để rèn luyện sự tích cực, tự giác trong học tập?



Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Lưu Hoàng Trang

PART I: Knowledge

1. Vocabulary

- From Unit 1 to Unit 3
- Words and phrases related to the topics: Hobbies, Health living and Community service

2. Grammar

- Present simple tense, past simple tense
- Simple sentences
- Verbs of liking & disliking

3. Phonetics

- Pronunciation: / ə / - / ɜ: /, / f / - / v /, / t /, / d /, / ed /
- Word stress: From Unit 1 to Unit 3

4. Everyday English

- Talking about likes and dislikes
- Giving tips for health problems

PART II: Exercises.

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- Question 1. A. service B. flower C. exercise D. water
Question 2. A. cleaned B. reused C. advised D. provided
Question 3. A. of B. active C. flu D. vitamin

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- Question 4. A. avoid B. receive C. donate D. visit
Question 5. A. creative B. decorate C. recycle D. collection
Question 6. A. habit B. rubbish C. sunburn D. disease

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

- Question 7. The train _____ at 6 a.m every morning.
A. leaves B. is leaving C. left D. will leave
- Question 8. Rob eats a lot of fast food and he _____ on a lot of weight.
A. takes B. puts C. spends D. brings
- Question 9. Try to eat foods that are rich _____ vitamins and minerals.
A. in B. with C. about D. of
- Question 10. Jenny enjoys _____ model cars. He has many different ones on his bookshelf.
A. to collect B. to do C. collecting D. doing
- Question 11. My best friend _____ flowers to relax when she has spare time.
A. catches B. arranges C. does D. puts
- Question 12. Our club _____ the elderly in a village last summer.
A. helped B. help C. helps D. is helping
- Question 13. Lack of vitamin E can cause skin diseases and _____.
A. tiring B. tiredness C. tireless D. tired
- Question 14. Two students talk about their daily problems.
Linh: "I put on some weight." Huy: "_____"
A. You should eat less and do exercise. B. You should have more calories.
C. Nothing. I'm staying at home. D. Yeah, what's up?
- Question 15. Peter: "I think model making is an expensive hobby."
Mark: "_____. It's not expensive at all."
A. Certainly B. You're right C. No matter D. Certainly not
- Question 16. She forgot to take the sun hat, _____ she got a headache
A. so B. but C. because D. or
- Question 17. You _____ smartphone too much. It's not good for your eyes.
A. can't be used B. shouldn't use C. can use D. should use

Question 18. There is a programme to clean _____ streets in my neighborhood.

A. on

B. up

C. out

D. at

Read the following announcement about community service and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 19 to 22.

Basic Health Tips For Your Better Well-Being

- (19) _____ fruits and vegetables.
- Drink (20) _____ water every day.
- Avoid too (21) _____ sugar and junk food.
- Try to exercise for 30 minutes daily, for example walking or dancing.
- Get 8 hours of sleep each night.

These habits help you feel better and stay (22) _____.

Question 19. A. Drink

B. Don't eat

C. Don't drink

D. Eat

Question 20. A. enough

B. more

C. less

D. little

Question 21. A. many

B. few

C. much

D. some

Question 22. A. unhealthy

B. unhealthily

C. healthily

D. healthy

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions from 23 to 24.

Question 23. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

Maintaining a healthy lifestyle is essential for overall well-being. _____

a. In addition to eating nutritious food, regular exercise is important to stay fit.

b. Proper sleep and hydration are also key factors in maintaining good health.

c. A balanced diet should include plenty of vegetables, fruits, and proteins.

A. c-a-b

B. a-c-b

C. b-c-a

D. c-b-a

Question 24. Choose the sentence that you can use to end the text (in Question 23) most appropriately.

A. A healthy lifestyle is a combination of good habits.

B. It is important to exercise daily for at least 30 minutes.

C. These habits will make you feel more energetic and improve your mood.

D. Hydration and sleep are often neglected but are essential for health.

Read the following passage and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks.

Everyone (25) _____ the common cold at some time or other. It isn't (26) _____, but people spend (27) _____ medicine. The medicine can only relieve the symptoms. That is, it can make you cough (28) _____, make you feel better, and stop your nose running for a while. So far, there is no cure for the common cold and no medicine (29) _____ it. People also drink a lot of hot water with sugar, lemon juice. It helps (30) _____ a lot of vitamin C.

Question 25. A. suffers from

B. suffers with

C. suffers by

D. suffers on

Question 26. A. serious illness

B. a serious illness

C. the serious illness

D. an serious illness

Question 27. A. some money on

B. many money by

C. a lot of money on

D. much money by

Question 28. A. more

B. much

C. many

D. less

Question 29. A. to prevent

B. prevent

C. preventing

D. prevented

Question 30. A. providing us with

B. provides us for

C. provided us for

D. provide us with

Circle the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

Question 31. Let's join in volunteer activities at school.

A. Why don't you to join in volunteer activities at school.

B. How about joining in volunteer activities at school?

C. Let's to join in volunteer activities at school.

D. Why don't us join in volunteer activities at school?

Question 32. My friend loves outdoor activities, and I love outdoor activities too.

- A. Both my friend and I love outdoor activities
- B. Because my friend love outdoor activities, I love them too.
- C. My friend loves outdoor activities, but I don't like them.
- D. My friend loves outdoor activities, so I also like them.

Question 33. Peter likes making models, but he likes doing DIY better.

- A. Peter prefers to do DIY than to make models.
- B. Peter prefers making models than doing DIY.
- C. Peter prefers doing DIY to making models.
- D. Peter prefers making models to doing DIY.

Question 34. It takes my mother an hour to do yoga every day.

- A. My mother spends an hour doing yoga every day.
- B. My mother spends an hour to do yoga every day.
- C. My mother spend an hour to doing yoga every day.
- D. My mother spend an hour doing yoga every day.

Circle the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

Question 35. Our club/ donate/ 50 blankets/ poor children/ mountainous areas/ last winter.

- A. Our club donates 50 blankets for the poor children in mountainous areas last winter.
- B. Our club donated 50 blankets to the poor children at mountainous areas last winter.
- C. Our club donated 50 blankets to the poor children in mountainous areas last winter.
- D. Our club donates 50 blankets for the poor children at mountainous areas last winter.

Question 36. Keep/ face /clean/ effective/ way/ prevent/ acne.

- A. Keeping your face clean is a effective way to prevent acne.
- B. Keep your face clean is an effective way to prevent acne.
- C. Keep your face clean is a effective way to prevent acne.
- D. Keeping your face clean is an effective way to prevent acne.

Question 37. I/ hope/ project/ difference/ village.

- A. I hope this project will do a difference in my village.
- B. I hope this project will do a difference for my village.
- C. I hope this project will make a difference for my village.
- D. I hope this project will make a difference in my village.

Question 38. There/ community service/ school/ last summer?

- A. Were there some community service in your school last summer?
- B. Was there any community service in your school last summer?
- C. Were there some community services for your school last summer?
- D. Was there any community service for your school last summer?

Read the following sign or notice and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 39. At the public, when we can see this sign, it means:



- A. Littering is prohibited here.
- B. You can litter here.
- C. You shouldn't litter here.
- D. Littering is allowed here.

Question 40. What does the notice say?



VIVA LIBRARY

**Please ask a member of staff
before using these computers.**

- A. You must ask for a computer when you go to Viva Library
- B. You have to be a member of staff in order to use the computers.
- C. You need to ask for permission when you want to use the computer.
- D. A member of staff will give you a computer.

Read the following passage and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Blood donation is a vital process that helps save lives. It involves donating blood, which is later used for surgeries, emergencies, or for patients who need regular blood transfusions due to conditions like cancer or anemia. Blood donation not only benefits the recipients but also gives donors a sense of contribution and **fulfillment**. However, some people may hesitate to donate due to fear or lack of understanding about the process.

Blood donation is generally safe, and healthy adults can donate every few months. It's important for donors to maintain a healthy lifestyle, eat nutritious meals, and stay hydrated before donating. Blood banks and hospitals ensure the safety of donors by conducting health checks and using sterile equipment. The need for blood is constant, and donating regularly can make a **significant** difference.

In conclusion, while donating blood is voluntary, the impact it has on saving lives is immeasurable. By giving blood, individuals provide a lifeline to those in need.

Question 41: What is the main idea of the passage?

- A. Blood donation is a simple process, but many people avoid it.
- B. Blood donation is safe and voluntary, and it plays a crucial role in saving lives.
- C. Only patients with serious illnesses like cancer benefit from blood donations.
- D. Blood banks need more sterile equipment to improve the donation process

Question 42. All of the following are reasons for needing blood donations, EXCEPT?

- A. Patients undergoing surgeries
- B. People with conditions like anemia
- C. Athletes who need extra energy
- D. Cancer patients needing blood transfusions

Question 43. According to the passage, why do some people hesitate to donate blood?

- A. They think it is too expensive
- B. They fear the process or don't understand it
- C. They don't have enough time
- D. They don't think blood donation is important

Question 44. What is the **CLOSEST** meaning of "**fulfillment**" as used in the passage?

- A. A sense of satisfaction
- B. A feeling of hunger
- C. A state of confusion
- D. A sense of fear

Question 45. What should donors do before donating blood?

- A. Avoid drinking water
- B. Eat healthy meals and stay hydrated
- C. Sleep all day
- D. Donate as frequently as possible without breaks

Question 46. What is the **OPPOSITE** meaning of "**significant**" in the context of the passage?

- A. essential
- B. important
- C. necessary
- D. unimportant

Find the phrases or sentences that have been removed from the text below. For each question, write the letter A, B, C or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

(47) _____. Fishing is a great way to relax on weekends. It is relaxing to sit on the shore of the lake or on a river bank. If you have never experienced it, (48) _____. You can watch the ripples on the water and hear the soothing sounds of the waves. On a nice day, (49) _____. Fishing is inexpensive. All you need is a fishing pole and some bait. If you can't afford bait, (50) _____, or night crawlers. Fishing is exciting. Some fish pull hard on the fishing line. They can put up quite a fight! It's exciting to catch a lot of fish in one spot.

- A. I think you are really missing something
- B. go outside at night and look for earthworms
- C. One of my favorite hobbies is fishing
- D. the warmth of the sun and a breeze off the water feels great

Question 47. _____. Question 48. _____. Question 49. _____. Question 50. _____.



Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

**UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM**

**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 7
Năm học: 2025 - 2026**

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung Bài thể dục liên hoàn

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện đúng nhịp bài thể dục, đúng động tác, đúng biên độ.
- Thực hiện đều và đẹp.

III. Hình thức kiểm tra

- Thực hành tại nhà thể chất hoặc sân trường



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng CM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đình Lý Huỳnh

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I
MÔN: NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC 7)
Năm học: 2025 - 2026

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Ôn tập 2 bài hát:

- Khai trường
- Vì cuộc sống tươi đẹp

2. Ôn phần nhạc lí

- Nhịp lấy đà

3. Tập đọc nhạc:

- TĐN số 1.

II. KĨ NĂNG – KĨ THUẬT CẦN ĐẠT

- Thực hiện đúng các yêu cầu của bài: hát đúng kĩ thuật, thuộc lời, TĐN đúng cao độ, trường độ, gõ đúng tiết tấu, nhịp phách
- Nắm vững các kiến thức về nhạc lí để sử dụng cho bài hát và bài TĐN

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Thực hành: Tại phòng học của các lớp
- Kiểm tra theo nhóm hoặc từng học sinh



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Nhân

A. TRỌNG TÂM ÔN TẬP

I. Nội dung kiến thức: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 6

- Kiến thức về nhịp điệu và sắc màu của chữ.
- Kiến thức về cách tạo logo.
- Kiến thức về cách áo dài với họa tiết dân tộc.

II. Một số dạng bài tập minh họa:

- Em hãy tạo một nhịp điệu và sắc màu của chữ mà em yêu thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu tự chọn.
- Em hãy tạo logo mà em yêu thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu tự chọn.
- Em hãy tạo một sản phẩm áo dài với họa tiết dân tộc.. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4. Chất liệu tự chọn.

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Học sinh làm bài trên lớp.

Ban Giám Hiệu

TTCM

Nhóm trưởng



Ngô Thị Bích Liên

Nguyễn.T. Quỳnh Diệp

Vũ Hồng Tâm

UBND PHƯỜNG BỒ ĐỀ
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC: 2025 - 2026

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN - KHỐI 7

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 6

2. Một số câu hỏi, nội dung trọng tâm: *(khuyến khích HS làm dưới dạng sơ đồ tư duy)*

Câu 1: Kỹ năng và phương pháp học tập môn KHTN.

Câu 2: Tốc độ chuyển động: định nghĩa, công thức, đơn vị tốc độ.

Câu 3: Khái niệm nguyên tử, mô hình nguyên tử của Rơ-dơ-pho – Bo?

Câu 4: Nêu cấu tạo nguyên tử, khối lượng nguyên tử?

Câu 5: Khái niệm nguyên tố hóa học?

Câu 6: Khái niệm, mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng với cơ thể sinh vật.

Câu 7: Quang hợp: khái niệm, vai trò, các yếu tố ảnh hưởng tới quang hợp. Phương trình quang hợp (dạng chữ). Đặc điểm cấu tạo của lá phù hợp chức năng quang hợp.

Phần 2. Bài tập minh họa

I. Trắc nghiệm

1. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10, mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Bước nào sau đây **không** thuộc tiến trình tìm hiểu tự nhiên?

- | | |
|---------------------------------|-----------------------------------|
| A. Đề xuất vấn đề cần tìm hiểu. | B. Lập kế hoạch kiểm tra dự đoán. |
| C. Rèn luyện sức khỏe. | D. Viết báo cáo. |

Câu 2. Kỹ năng đo gồm các bước sau:

- | | |
|------------------------------------|-------------------------|
| (1) Lựa chọn dụng cụ đo thích hợp. | (2) Tiến hành đo. |
| (3) Ước lượng giá trị cần đo. | (4) Ghi lại kết quả đo. |
| (5) Đọc đúng kết quả đo. | |

Thứ tự các bước hình thành kỹ năng đo là

- | | |
|-----------------------------|-----------------------------|
| A. (1), (3), (2), (4), (5). | B. (3), (1), (2), (5), (4). |
| C. (1), (2), (3), (4), (5). | D. (3), (2), (1), (5), (4). |

Câu 3. Để đo thời gian một viên bi sắt chuyển động trên máng nghiêng người ta sử dụng dụng cụ đo nào sau đây?

- | | |
|------------------------|---|
| A. Đồng hồ treo tường. | B. Đồng hồ đo thời gian hiện số và cổng quang điện. |
| C. Dao động kí. | D. Đồng hồ cát. |

Câu 4: Một học sinh đi bộ từ nhà đến trường trên đoạn đường 3,6 km, trong thời gian 40 min. Tốc độ trung bình của bạn học sinh đó là

- | | | | |
|---------------|------------|-------------|-------------|
| A. 19,44 m/s. | B. 15 m/s. | C. 1,5 m/s. | D. 2/3 m/s. |
|---------------|------------|-------------|-------------|

Câu 5: Chuyển hoá năng lượng là

- A. sử dụng năng lượng để sống.

- B. sự biến đổi của năng lượng từ dạng này sang dạng khác.
- C. sự biến mất của năng lượng trong cơ thể.
- D. sự biến đổi các chất cần thiết trong cơ thể.

Câu 6: Trên thực tế, để thích nghi với điều kiện sống tại môi trường sa mạc, lá của cây xương rồng đã biến đổi thành gai. Vậy cây xương rồng quang hợp chủ yếu bằng bộ phận nào sau đây?

- A. Lá cây.
- B. Thân cây.
- C. Rễ cây.
- D. Gai của cây.

Câu 7: Điều gì sẽ xảy ra nếu ánh sáng quá mạnh chiếu vào cây trong thời gian dài?

- A. Lá cây bị "đốt nóng", làm giảm hiệu quả quang hợp.
- B. Hiệu quả quang hợp tăng gấp nhiều lần.
- C. Rễ cây bị thối, không hút được nước.
- D. Cây mất nước, trở nên khô héo.

Câu 8: Mô hình sắp xếp nguyên tử của Rutherford – Bohr có đặc điểm

- A. cấu tạo rỗng, gồm hạt nhân ở tâm mang điện tích dương và electron mang điện tích âm.
- B. cấu tạo rỗng, gồm hạt nhân ở tâm mang điện tích âm và electron mang điện tích dương.
- C. cấu tạo đặc, gồm hạt nhân ở tâm mang điện tích dương và electron mang điện tích âm.
- D. cấu tạo đặc, gồm hạt nhân ở tâm mang điện tích âm và electron mang điện tích dương.

Câu 9: Cấu tạo của nguyên tử gồm

- A. hạt nhân và vỏ electron.
- B. proton và neutron.
- C. proton và electron
- D. neutron và electron.

Câu 10: Nguyên tử helium có 2 proton, 2 electron, 2 neutron. Khối lượng của nguyên tử helium bằng?

- A. 2 amu.
- B. 4 amu.
- C. 3 amu.
- D. 6 amu.

2. Câu trắc nghiệm đúng, sai.

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a, b, c, d học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Kỹ năng tiến trình là các kỹ năng mà các nhà khoa học sử dụng trong quá trình nghiên cứu.

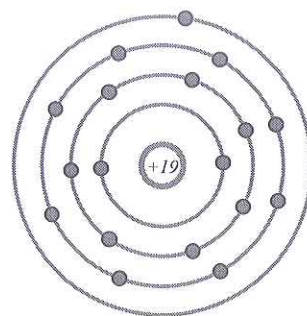
- a. Quan sát là quá trình thu thập thông tin bằng cách sử dụng các giác quan.
- b. Sau khi thu thập mẫu vật, dữ liệu để nghiên cứu, các nhà khoa học lựa chọn các mẫu vật, dữ liệu có cùng đặc điểm chung giống nhau để sắp xếp thành các nhóm. Đây là kỹ năng liên kết.
- c. Khi thực hiện hoạt động sử dụng cân đồng hồ để xác định khối lượng của quyển sách là đã sử dụng kỹ năng phân loại trong học tập môn Khoa học tự nhiên.
- d. Việc so sánh dữ liệu đo được qua nhiều lần thí nghiệm giúp nâng cao độ chính xác của dự báo khoa học.

Câu 2: Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp ở thực vật như ánh sáng, nước, hàm lượng khí carbon dioxide, nhiệt độ...

- a. Cây ưa bóng có nhu cầu ánh sáng thấp.
- b. Cường độ quang hợp tỉ lệ thuận với cường độ ánh sáng.
- c. Khi tế bào khí khổng mất nước thì khí khổng mở để Carbon dioxide khuếch tán vào trong lá.

d. Khi nhiệt độ thấp (dưới 10°C), đa số rễ của thực vật bậc cao ở vùng nhiệt đới thường bị thối, không hút được nước, ảnh hưởng đến quang hợp.

Câu 3: Bạn An vẽ mô hình nguyên tử Rutherford – Bohr cho nguyên tử potassium (Kali) như sau:



a. Các nguyên tử có cùng số proton là 19 trong hạt nhân đều thuộc cùng một nguyên tố hóa học là Kali

b. Trong nguyên tử Kali số electron bằng số proton và bằng 9

c. Khối lượng nguyên tử Kali tập trung phần lớn ở lớp vỏ

d. Tổng số hạt mang điện của nguyên tử Kali là 38

3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý, HS chỉ ghi đáp án bằng số.

Câu 1: Tốc độ chuyển động là đại lượng cho biết sự nhanh chậm của chuyển động, được xác định bằng quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

a. 1 m/s bằng bao nhiêu km/h?

b. Ba bạn học cùng lớp. Khi tan học, ba bạn đi cùng chiều trên đường về nhà. Tốc độ của bạn số 1 là 6,2 km/h, của bạn số 2 là 1,5 m/s, của bạn số 3 là 72 m/min. Bạn số mấy đi nhanh nhất?

c. Một người đi xe đạp với tốc độ 16 km/h từ nhà đến nơi làm việc. Thời gian chuyển động của người này khi đi hết quãng đường là 0,5 h. Quãng đường từ nhà đến nơi làm việc dài bao nhiêu km?

d. Một người đi xe đạp đi nửa quãng đường đầu với tốc độ 12 km/h và nửa quãng đường còn lại với tốc độ 20 km/h. Tốc độ trung bình của người đi xe đạp trên cả quãng đường là bao nhiêu km/h?

Câu 2:

a. Cho các chất sau: Oxygen, nước, carbon dioxide, tinh bột, chất dinh dưỡng. Có bao nhiêu chất là sản phẩm của quá trình quang hợp?

b. Trong các phát biểu sau:

1. Cung cấp nguồn chất hữu cơ làm thức ăn cho sinh vật dị dưỡng.

2. Cung cấp khí oxygen.

3. Điều hòa trực tiếp mực nước biển.

4. Tăng hàm lượng khí carbon dioxide trong không khí.

Có bao nhiêu nhận định đúng về vai trò của quang hợp?

c. Trong quá trình trao đổi chất ở người, cơ thể người thu nhận được bao nhiêu chất trong những chất sau đây: Oxygen, carbon dioxide, chất dinh dưỡng, nước uống, năng lượng nhiệt, chất thải.

d. Hãy viết liên các số tương ứng với các trường hợp dưới đây theo thứ tự tăng dần tốc độ trao đổi chất.

1. Người đang đi bộ.

2. Người đang ngủ.

3. Người đang chơi thể thao.

Câu 3:

a. Nguyên tử có bao nhiêu hạt cơ bản?

A. TRỌNG TÂM ÔN TẬP

1. Nội dung kiến thức: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 6.

- Phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô và các bạn.
- Tự hào truyền thống trường em.
- Điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.
- Kiểm soát cảm xúc của bản thân

2. Câu hỏi ôn tập:

Câu 1.

- Em hãy nêu 3 điểm nổi bật cần phải có của một trường học hạnh phúc.
- Em sẽ làm gì để góp phần xây dựng trường THCS Ngọc Lâm trở thành một trường học hạnh phúc.

Câu 2. Hãy chia sẻ cách em thường dùng để giải tỏa cảm xúc tiêu cực và kể lại cảm nhận của em khi đó.

Câu 3.

- Nêu những điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân.
- Lập kế hoạch khắc phục những hạn chế để tự hoàn thiện bản thân.

Câu 4. Em hãy đưa ra cách giải quyết hợp lý trong trường hợp sau đây:

Trong giờ Mỹ thuật, An lỡ tay làm dính màu nước vào áo của Bình, mặc dù An đã xin lỗi và dùng khăn ướt lau vết bẩn trên áo cho Bình. Tuy vết bẩn này có thể giặt sạch nhưng Bình vẫn tức giận, chửi mắng và dọa đánh An.

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Học sinh thực hiện kiểm tra dưới hình thức bài tập dự án.

BGH duyệt



Ngô Thị Bích Liên

NTCM

Vũ Thị Hương Giang

Năm học 2025 – 2026

A. TRỌNG TÂM ÔN TẬP

1. Nội dung kiến thức

Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 6.

- Lịch sử Hà Nội từ thế kỉ XI đến thế kỉ XVI.
- Di sản văn hóa phi vật thể ở thành phố Hà Nội.

2. Câu hỏi ôn tập

Câu 1: Thăng Long thời Lý được quy hoạch như thế nào? Tại sao Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La?

Câu 2: Giáo dục, thi cử của Thăng Long thời Trần được tổ chức như thế nào? Kể tên một số danh nhân thời Trần mà em biết?

Câu 3:

- Kể tên một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở Hà Nội.
- Ý nghĩa của các di sản văn hóa phi vật thể ở thành phố Hà Nội.

Câu 4: Giới thiệu một di sản phi vật thể ở thành phố Hà Nội mà em yêu thích theo hình thức dự án.

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Học sinh kiểm tra theo hình thức dự án.



BGH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Ngô Thị Bích Liên

NTCM

Nguyễn Thị Giang

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA KÌ I - KHỐI 7

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Từ vựng:

- Từ vựng tổng hợp (SGK - 8,35)

+ Từ vựng về người: 아이: em bé, 이: răng, 아우: em trai, 여자: con gái (giới tính), 머리: đầu, 아빠: bố, 아버지: bố, 어머니: mẹ, 허리: eo, 팔: tay, 다리: chân.

+ Từ vựng về số: 이: số 2, 삼: số 3, 사: số 4, 오: số 5.

+ Từ vựng về động vật: 여우: con cáo, 나비: con bướm, 하마: hà mã, 사자: sư tử, 코끼리: con voi, 돼지: con lợn, 소: con bò, 곰: con gấu, 말: con ngựa, 토끼: con thỏ, 공작: con công, 기린: hươu cao cổ.

+ Từ vựng về đồ ăn, thức uống: 오이: dưa chuột, 우유: sữa, 주스: nước ép, 커피: cà phê, 포도: nho, 과자: bánh quy, 사과: táo, 케이크: bánh kem, 김치: kim chi, 밥: cơm.

+ Từ vựng về đồ vật: 모자: mũ, 비누: xà phòng, 치마: váy, 머리띠: bờm nơ, 피아노: piano, 그네: xích đu, 의자: ghế, 가위: cái kéo, 주사위: xúc xắc, 창: cái cửa, 돈: tiền, 공: bóng, 가방: cặp sách, 돋보기: kính lúp, 책: sách, 옷: quần áo, 바지: quần bò.

+ Từ vựng về địa điểm: 집: nhà, 숲: rừng, 학교: trường học, 부엌: bếp, 발: Cánh đồng, 호수: hồ, 하늘: bầu trời, 강: con sông, 산: núi, 바다: bãi biển.

+ Từ vựng về phương tiện giao thông: 차: ô tô, 기차: tàu hỏa, 버스: xe buýt.

+ Từ vựng về sự vật, hiện tượng: 나무: cây, 꽃: hoa, 낮: ban ngày, 밤: ban đêm, 눈: tuyết.

- Đất nước và nghề nghiệp (SGK - 38,45)

+ Từ vựng về đất nước: 한국: Hàn Quốc, 베트남: Việt Nam, 일본: Nhật Bản, 독일: Đức, 중국: Trung Quốc, 영국: Anh, 미국: Mỹ, 호주: Úc, 프랑스: Pháp.

+ Từ vựng về nghề nghiệp: 경찰관: cảnh sát, 사업가: nhà kinh doanh, 의사: bác sĩ, 선생님: giáo viên, 학생: học sinh, 주부: nội trợ, 회사원: nhân viên công ty, 요리사: đầu bếp.

2. Ngữ pháp:

2.1. N + 은/는: biến danh từ phía trước thành chủ ngữ

N(có phụ âm cuối) +은 → 흐영은 베트남 사람이에요. (Hương là người Việt Nam)

N(không có phụ âm cuối) +는 → 저는 한국 사람이에요. (Tôi là người Hàn Quốc)

2.2. N + 이에요/ 예요: là N

N(có phụ âm cuối) +이에요 → 흐영은 베트남 사람이에요. (Hương là người Việt Nam)

N(không có phụ âm cuối) +예요 → 저는 하예요. (Tôi là Hà – Tôi tên là Hà)

3. Một số câu hỏi thường gặp:

- Hỏi tên: 이름이 뭐예요? (Tên bạn là gì?)
- Hỏi quốc tịch: 어느 나라 사람이에요? (Bạn là người nước nào?)
- Hỏi nghề nghiệp: 직업이 뭐예요? (Bạn làm nghề gì?)

II. KỸ NĂNG:

- Đọc và nắm được nghĩa của các từ vựng đã học.
- Nắm được cách phát âm của các phụ âm cuối, nối âm.

III. MỘT SỐ DẠNG BÀI: Trắc nghiệm

1. Sử dụng ngữ pháp và hoàn thành câu.
2. Chọn đáp án đúng cho các câu hỏi.
3. Tìm từ có chủ đề khác với các từ còn lại.
4. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.
5. Dựa vào các từ đã cho, sắp xếp thành câu hoàn chỉnh.

ĐỀ MINH HỌA GIỮA HỌC KỲ I KHỐI 7

Môn: Tiếng Hàn

[1 - 5] Chọn từ không cùng nhóm với các từ còn lại (0,25/câu)

- | | | | |
|---------------------|-------|-------|------|
| Câu 1. ① 다리 | ② 머리 | ③ 어깨 | ④ 바지 |
| Câu 2. ① 남동생 | ② 선생님 | ③ 누나 | ④ 아빠 |
| Câu 3. ① 돼지 | ② 오이 | ③ 여우 | ④ 토끼 |
| Câu 4. ① 의사 | ② 가수 | ③ 학생 | ④ 나무 |
| Câu 5. ① 베트남 | ② 영어 | ③ 프랑스 | ④ 중국 |

[6 - 9] Chọn từ chủ đề của câu văn (0,25/câu)

- Câu 6.** 안녕하세요? 저는 마이예요. 반가워요.
① 인사 ② 가족 ③ 직업 ④ 나라
- Câu 7.** 저는 리사예요. 친구는 이민호예요.
① 나라 ② 이름 ③ 가족 ④ 직업

Câu 8. 가: 이것은 뭐예요?

나: 책이에요.

- ① 이름 ② 물건 ③ 언어 ④ 가족
- Câu 9.** 저는 독일 사람이에요.
- ① 국적 ② 이름 ③ 물건 ④ 시간

[10 - 15] Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống (0,25/câu)

Câu 11. 남동생 의사예요?

- ① $\frac{r}{r}$ ② $\frac{o}{m}$ ③ $\frac{o}{r}$ ④ $\frac{m}{m}$

Câu 10. 가: 하나예요?

나: _____, 민주예요.

- ① 네 ② 아니요 ③ 이에요 ④ 는

Câu 12. 오빠_____ 한국 사람_____.

- ① 는/ 이에요 ② 는/ 예요 ③ 은/ 이에요 ④ 은/ 예요

Câu 13. 이 사람 _____ 마이 _____.

- ① 는/ 예요 ② 는/ 이에요 ③ 은/ 예요 ④ 은/ 이에요

Câu 14. _____ 나라 사람 _____ ?

- ① 어느/ 이에요 ② 직업/ 예요 ③ 이름/ 예요 ④ 이것/ 이에요

Câu 15. 이름 _____ 뭐 _____?

- ① 이/ 예요 ② 는/ 예요 ③ 은/ 이에요 ④ 이/ 이에요

[16 - 20] Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống (0,25/câu)

Câu 16. 아빠 이름 _____ 이민호 _____.

- ① 은/ 이에요 ② 은/ 예요 ③ 는/ 예요 ④ 는/ 이에요

Câu 17. _____ 가세요.

- ① 이름이 ② 직업이 ③ 계세요 ④ 안녕히

Câu 18. _____ 예요.

- ① 가수 ② 회사원 ③ 중국 ④ 베트남

Câu 19. _____ 반가워요.

- ① 만나서 ② 계세요 ③ 이것은 ④ 직업이

Câu 20. _____ 은 언니 _____.

- ① 마이 씨/ 이에요 ② 프랑스/ 예요 ③ 이 사람/ 예요 ④ 할머니/ 이에요

Câu 21. 돼지 _____.

- ① 이에요 ② 예요 ③ 어요 ④ 아니요

Câu 22. 직업 _____ 영어 선생님 _____.

- ① 은/ 이에요 ② 은/ 예요 ③ 는/ 이에요 ④ 는/ 예요

Câu 23. 가: 형 _____?

나: 네, 형 _____

- ① 예요/ 예요 ② 이에요/ 이에요 ③ 이에요/ 예요 ④ 예요/ 이에요

Câu 24. 저는 일본 사람 _____.

- ① 안녕히 ② 예요 ③ 학생 ④ 이에요

Câu 25. 이것 _____ 안경 _____.

- ① 은/ 이에요 ② 는/ 이에요 ③ 은/ 예요 ④ 는/ 예요

[26 - 28] Chọn câu có phần gạch chân sai (0,25/câu)

Câu 26.

- ① 오빠는 민수예요. ② 우리 엄마는 주부예요.
③ 다니엘은 친구예요. ④ 이 남자는 가수예요.

Câu 27.

- ① 경찰관이에요. ② 한국 사람이에요.
③ 사업가예요. ④ 하마이에요.

Câu 28.

- ① 주차장이예요.
- ② 자연이예요.
- ③ 할아버지이예요.
- ④ 동생이예요.

[29 - 32] Chọn câu đúng hoàn thành hội thoại (0,25/câu)

Câu 29. ㄱ: _____?

나: 독일어 선생님이예요.

- ① 선풍기예요 ② 독일어예요
③ 안녕하세요 ④ 직업이 뭐예요

Câu 30. 가: 중국이에요?

4. _____

- ① 네, 미국이에요.
- ② 아니요, 중국이에요.
- ③ 네, 여동생이에요.
- ④ 아니요, 미국이에요.

Câu 31. 가: 정우 씨는 주부예요?

↳: _____.

- ① 네, 프랑스예요 ② 네, 주부예요
③ 아니요, 프랑스예요 ④ 아니요, 주부예요

Câu 32. 가: _____?

나: 흐엉이에요.

- ① 흐엉 씨는 직업이 뭐예요 ② 이 사람은 학생이에요
- ③ 우리 동생은 학생이에요 ④ 이 사람은 이름이 뭐예요

[33 - 35] Đọc hiểu đoạn văn và chọn từ điền vào chỗ trống (0,25/câu)

안녕하세요? 저는 제이슨이에요. 저는 한국 사람_ (33)_ 저는 학생이에요. 우리 아버지는_ (34)_예요.

아빠 이름은 토마스예요. 우리 어머니는 회사원이에요. 엄마 이름은 엠마예요. 여동생 (35) 학생이에요.

여동생 이름은 줄리아예요. 반가워요.

- Câu 33.** ① 아요 ② 예요 ③ 아니요 ④ 이예요

- Câu 34.** ① 경찰관 ② 요리사 ③ 어머니 ④ 베트남

- Câu 35.** ① 요 ② 는 ③ 저 ④ 은

[36 - 37] Đọc hiểu đoạn văn trên và chọn câu đúng (0,25/câu)

Câu 36.

- | | |
|---------------|-----------------|
| ① 저는 엠마예요. | ② 저는 프랑스 사람이에요. |
| ③ 아빠는 선생님이에요. | ④ 엄마는 회사원이에요. |

Câu 37.

- | | |
|-----------------|-------------------|
| ① 여동생은 제이슨이에요. | ② 우리 엄마 직업은 주부예요. |
| ③ 우리 아빠는 줄리아예요. | ④ 여동생 직업은 학생이에요. |

[38 - 40] Sắp xếp từ đúng trật tự và chọn đáp án đúng (0,25/câu)

Câu 38. 어느/ 사람/ 이에요/ 나라/ 여러분/ 은/?

- | | |
|---------------------|---------------------|
| ① 어느 나라 사람은 여러분이에요? | ② 어느 나라 여러분은 사람이에요? |
| ③ 나라 사람은 어느 여러분이에요? | ④ 여러분은 어느 나라 사람이에요? |

Câu 39. 아니요/ 오빠 /는/ 한국어/ 선생님/ 이에요.

- | | |
|------------------------|------------------------|
| ① 아니요, 한국어 오빠는 선생님이에요. | ② 아니요, 선생님 오빠는 한국어이에요. |
| ③ 아니요, 오빠 한국어는 선생님이에요. | ④ 아니요, 오빠는 한국어 선생님이에요. |

Câu 40. 이 사람/ 은/ 이에요/ 사람/ 베트남.

- | | |
|--------------------|--------------------|
| ① 이 사람은 베트남 사람이에요. | ② 이 사람 베트남은 사람이에요. |
| ③ 베트남 이 사람은 사람이에요. | ④ 이 사람은 사람 베트남이에요. |

なまえ: クラス:

A. NỘI DUNG ÔN TẬP:

I. Ôn tập các phần từ vựng, chữ Hán, ngữ pháp từ bài 1 đến bài 3.

II. Ngữ pháp trọng tâm

Bài 1: ①これ/それ/あれは 何^{なん}ですか。Đây/Đó/Kia là cái gì?

→これ/それ/あれは Nです。

②何^{なん}の N ですか。 N có nội dung gì?

→N1 (nội dung) の N2 です。

③だれの N ですか。 N của ai?

→N1 (người sở hữu) の N2 です。

④どれ? Cái nào?

Bài 2: ①この N/その N/あの N/どの N : N này/ Nđó/ Nkia/N nào

②N1 の N2 (vị trí)

(trên/dưới/ trong /ngoài/phía trước /sau/bên cạnh)

③ N1 (người/động vật) は N2 (địa điểm) に います/いません。

N1 (đồ vật) は N2 (địa điểm) に あります/ありません。

④ どこに ありますか。/いますか。 ~ở đâu?

Bài 3: ① N1 (địa điểm) に N2 (người/động vật) が います/いません。

Ở địa điểm N1 có / không có N2.

② N1 (địa điểm) は N2 (đồ vật) が あります/ありません。

③ ここ/そこ/あそこは N (địa điểm)

Chỗ này/chỗ đó/chỗ kia là N (địa điểm)

? Nは どこですか。 N ở đâu?

④ N(địa điểm)へ いきます/きます/かえります :

Đi/đến/về địa điểm N

Chữ Hán: 先生^{せんせい} (Tiên,Sinh) 、 上^{うへ}(Thượng)、 下^{した}(Hạ)、

行きます(Hành)、来^きます (Lai)

B. BÀI TẬP ÔN LUYỆN:

Bài 1: Chọn nghĩa thích hợp của từ:

- ① Bút chì
A. えんぴつ
B. うんぴつ
C. えんぴつ
D. うんぴつ
- ② たてもの
A. Đồ vật
B. Trường học
C. Tòa nhà
D. Bảo tàng
- ③ 先生
A. せいと
B. せんせ
C. せいせい
D. せんせい
- ④ Thước kẻ
A. じょぎ
B. じょうぎ
C. しょうぎ
D. じょうき
- ⑤ こうてい
A. Sân trường
B. Công viên
C. Nhà vệ sinh
D. Lớp học
- ⑥ Đằng sau
A. まえ
B. うしろ
C. した
D. うえ
- ⑦ Bút xóa
A. しゅせいえき
B. しゅうせえき
C. しゅうせいえき
D. しゅせえき
- ⑧ しょくいんしつ
A. Phòng đọc
B. Phòng thể chất
C. Phòng học
D. Phòng giáo viên
- ⑨ けしゴム
A. Hộp bút
B. Bút mực
C. Bút chì
D. Tẩy
- ⑩ Cái ví
A. とけい
B. のり
C. さいふ
D. ごみばこ
- ⑪ Phòng đọc
A. きょうしつ
B. しょくいんしつ
C. としよしつ
D. コンピュータしつ
- ⑫ カレンダー
A. Tivi
B. Bản đồ
C. Tờ lịch
D. Cục tẩy
- ⑬ Bản đồ
A. ちず
B. じしよ
C. プール
D. ペン
- ⑭ こくばん
A. Bảng
B. Thước
C. Bàn
D. Ghế
- ⑮ Bên cạnh
A. まえ
B. うしろ
C. した
D. となり
- ⑯ しょくどう

A. Phòng tập thể thao B. Nhà ăn C. Phòng đọc D. Phòng giáo viên

⑪ Chợ

A. いりば B. いちば C. いちぐち D. いちは

⑫ 行きます

A. きます B. いきます C. かえります D. つきます

⑬ ばいてん

A. Quầy tạp hóa B. Bể bơi C. Nhà ăn D. Lớp học

⑭ Phòng học

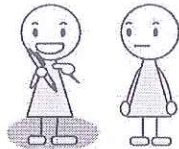
A. としよしつ B. きょうしつ C. しょくいんしつ D. しょくどう

Bài 2: Điền từ 「います」 hoặc 「あります」 sao cho đúng

- ① がっこうは チャン・フン・ダオに _____。
- ② リンさんの おにいさんの いえは ハノイに _____。
- ③ いぬは つくえの 下に _____。
- ④ アンさんは しょくいんしつに _____。
- ⑤ つくえの上に ほんが _____。

Bài 3: Chọn đáp án thích hợp nhất:

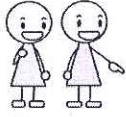
- ① きの 下に いぬが _____。
A. あります B. おります C. います D. いきます
- ② アンさんの かばんは _____ かばんですか。
A. どれ B. どこ C. どの D. だれ
- ③ A: _____ は だれの ペンですか。



- A. その B. あれ C. これ D. この
- ④ A: ナムさんは _____ に いますか。
B: こうていに います。
A. どれ B. だれ C. どこ D. なん
- ⑤ A: リンさんは どこですか。
B: _____ です。
A. あれ B. あそこ C. あの D. だれ
- ⑥ のりは ペンケースの なかに _____。

A. あります B. いますか C. いません D. ありません

⑦ A: _____ はだれの ペンですか。



A. あれ B. あの C. この D. それ

⑧ A: しょくいんしつに 先生が いますか。

B: _____。

A. います C. はい、います
B. いません D. いいえ、ありません

⑨ ランさんは いま うちへ_____。

A. いきます B. かえります C. きます D. きました

⑩ これから スーパー_____。

A. いきます B. かえります C. きます D. きました

Bài 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

- ① ビンさんは 日本ご_____きょうしつ_____います。
- ② としよしつ _____ 日本 の まんが _____ あります。
- ③ これ _____ 何 _____ じしょですか。
- ④ わたし _____ ぼうし _____ きょうしつ _____ あります。
- ⑤ あの 本 は だれ _____ ほんです _____。

Bài 5: Chọn câu đồng nghĩa với câu được gạch chân.

① あれは わたしの けしゴムです。

- A. あの けしゴムは わたしの です。
B. この けしゴムは わたしの のりです。
C. あの けしゴムは わたしです。
D. あのけしゴムは わたしの ではありません。

② これは せんせいの えいごの じしょです。

- A. あのじしょは ベトナムごの です。
B. あのじしょは えいごの じしょです。
C. このじしょは えいごの です。
D. このじしょは ベトナムごです。

③ きょうしつに せんせいと せいとが います。

- A. きょうしつに せんせいと せいとが いません。
B. きょうしつに せんせいが います。
C. せんせいは きょうしつに います。
D. せんせいと せいとは きょうしつに います。

Bài 6: Hãy sắp xếp và viết lại đúng thứ tự các câu sau .

① これ _____ ですか。

- A. ノート B. は C. の D. だれ

② _____ ではありません。

- A. その B. は C. ボールペン D. わたしの

③ ランさん _____ の _____ いません。

- A. は B. に C. きょうしつ D. なか

④ ここは _____ 。

- A. きょうしつ B. にほん C. ご D. の